

THỬ NGHIỆM ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA - DẠY - KIỂM TRA TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG ANH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG

ĐỖ HẠNH DUNG * - NGÔ THÁI HOÀNG ANH**

Tóm tắt: Phương pháp Kiểm tra - Dạy - Kiểm tra hiện đang nhận được nhiều sự quan tâm của các nhà giáo dục - những người mong muốn cải thiện tích cực cách thức giảng dạy tiếng Anh. Nhìn nhận được tầm quan trọng của phương pháp dạy học này, một nhóm nghiên cứu đã tiến hành áp dụng nó vào trong giảng dạy môn Tiếng Anh cơ sở tại Trường Đại học Ngoại thương. Quá trình thử nghiệm đã ghi nhận một số thuận lợi về ba phía: quy trình triển khai, giảng viên trực tiếp tham gia giảng dạy và sinh viên tham gia học thử nghiệm. Bên cạnh đó, một số khó khăn nổi bật cũng được nhìn nhận một cách cụ thể. Từ đó, nhóm nghiên cứu đề xuất một số biện pháp để giúp phương pháp này được triển khai một cách rộng rãi và có hiệu quả tại các cơ sở đào tạo bậc đại học.

Từ khóa: Kiểm tra - Dạy - Kiểm tra, Trường Đại học Ngoại thương, thuận lợi, khó khăn, giải pháp.

Abstract: The Test - Teach - Test method has been currently attracting much interest from educators who wish to enhance the way English is taught. A research team tested the effectiveness of this teaching method by using it to teach English at the Foreign Trade University after realizing its importance. The pilot process has identified many advantages from three sides, including the experimental implementation process, teachers directly participating in teaching, and students directly engaging in experimental learning.

Additionally, certain noteworthy disadvantages are also seen in detail. The research team then suggests a variety of solutions to aid in the widespread and successful adoption of this method in higher education institutions.

Keywords: Test - Teach - Test, Foreign Trade University, advantages, disadvantages, solutions.

1. Đặt vấn đề

“Test - Teach - Test” (3T), còn gọi “Test - Teach - Retest” (Kiểm tra - Dạy - Kiểm tra), là phương pháp dạy ngoại ngữ mới, trong đó có bài kiểm tra ban đầu để xem người học còn yếu mảng kiến thức nào, qua đó tập trung dạy đúng điều người học cần cải thiện. Theo Paudel [2], 3T là một cách dàn dựng bài học. Đó là một phương pháp giảng dạy, trong đó người học trước hết phải hoàn thành một nhiệm vụ hoặc hoạt động mà không cần bất kỳ sự hỗ trợ nào từ giáo viên. Họ tham gia một hoạt động trước khi dạy học dưới hình thức kiểm tra. Giáo viên sẽ kiểm tra họ trên một vấn đề cụ thể; sau đó, dựa trên các vấn đề trong kết quả bài kiểm tra, giáo viên đưa ra kế hoạch và thiết lập các vấn đề giảng dạy ngôn ngữ

* TS - Trường Đại học Ngoại thương; Email: dungdh@ftu.edu.vn

** Sinh viên - Trường Đại học Ngoại thương

mục tiêu. Học sinh được tham gia vào các hoạt động xây dựng kiến thức khác nhau của quá trình dạy học. Cuối cùng, giáo viên kiểm tra kết quả hoặc hoạt động của học sinh bằng một bài kiểm tra nữa.

Diễn giải một cách khác, đối với phương pháp 3T này, sau bước kiểm tra lần 1 và bước triển khai quá trình giảng dạy có mục tiêu sẽ có một bài kiểm tra đầu ra để đánh giá mức độ hiệu quả sau quá trình học. Cụ thể, người học khởi đầu với một bài kiểm tra năng lực để tìm ra điểm mạnh, yếu của bản thân. Dựa trên phần thể hiện của người học mà giáo viên khoanh vùng được những mảng kiến thức còn yếu của người học để lựa chọn, bổ sung tài liệu dạy, giúp người học phát huy được thế mạnh bản thân và bù đắp các kiến thức còn thiếu. Năng lực đầu vào của người học, hệ thống tài liệu dạy chọn lọc theo kỹ năng và sự kết nối của người dạy và người học được xem là bộ ba yếu tố ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả của phương pháp 3T này.

Xét về khía cạnh kiểm tra, Brown [1] giải thích rằng, kiểm tra là một phương pháp đo lường khả năng, kiến thức hoặc hiệu suất trong một miền nhất định. Kiểm tra không chỉ là một phương pháp để người kiểm tra thiết kế được một bài kiểm tra có chất lượng mà còn đo lường hiệu suất của người kiểm tra trong một bối cảnh nhất định. Như vậy, có thể thấy rằng kiểm tra được sử dụng để thu thập thông tin về các khía cạnh khác nhau của quá trình dạy học. Việc dạy học cũng không thể tách rời kiểm tra vì kiểm tra là một công cụ để cải thiện việc dạy học. Theo Widyanoro [4], mối liên hệ chặt chẽ giữa dạy và kiểm tra có thể được nhìn thấy từ thực tế rằng một bài kiểm tra sẽ không có giá trị nếu nó không đo lường được những gì nó cần đo. Walvoord và Anderson [3] cho rằng, một giáo viên

ngôn ngữ cần chú ý kiểm tra ngôn ngữ có thể có ảnh hưởng lớn đến học sinh, chẳng hạn ảnh hưởng đến cách học sinh học tập, những gì họ tập trung vào và khoảng thời gian họ dành cho việc học.

Trên thực tế, một số nhà nghiên cứu đã chỉ ra nhiều lợi ích của việc sử dụng phương pháp 3T trong giảng dạy. Hadfield [7] đã đề cập đến hai lợi ích: trước hết là một bài kiểm tra cho phép giáo viên lắng nghe người học và biết những gì họ đã biết và những gì cần thiết để dạy họ. Điều này tránh việc dạy các ngôn ngữ mà họ đã biết rồi. Tiếp đến, nó làm cho người học nhận thức được những lỗ hổng trong kiến thức của mình và có thể dễ tiếp thu ngôn ngữ mới hơn. Boudjema [6] cũng giải thích rằng, 3T là một cách tiếp cận hữu ích vì nó cho phép giáo viên xác định nhu cầu cụ thể của người học liên quan đến một lĩnh vực ngôn ngữ và giải quyết nhu cầu này một cách phù hợp. Cũng nhấn mạnh lợi ích của phương pháp 3T, Wilson và Peterson [5] cho rằng, bài kiểm tra đầu tiên” (Test 1) mang đến cho người học cơ hội để cố gắng ghi nhớ và sử dụng những gì họ đã nhớ. Giai đoạn “dạy” (Teach) có thể giúp người học tiếp xúc với ngôn ngữ mới cùng một số cơ hội để nhận thấy các tính năng của ngôn ngữ và “bài kiểm tra thứ hai” (Test 2) có thể mang lại cơ hội sử dụng và kiểm chứng lại trình độ của mình.

Nắm bắt được những điểm mạnh của phương pháp 3T này, đồng thời nhận thấy chủ đề xoay quanh phương pháp này rất tiềm năng và có nhiều lỗ hổng cần được khai thác, nhất là khi ở Việt Nam còn chưa có nghiên cứu cụ thể nào về phương pháp này, nhóm tác giả tại Trường Đại học Ngoại thương đã thử nghiệm phương pháp 3T trong quá trình giảng dạy thực tế. Trong quá trình triển khai thử nghiệm phương

pháp 3T, nhóm nghiên cứu đã ghi nhận một số thuận lợi và khó khăn tiêu biểu, từ đó đề xuất một số biện pháp cụ thể để giúp phương pháp 3T có thể được áp dụng rộng rãi trong quá trình giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đại học.

2. Phương pháp nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu: 180 sinh viên (SV) Trường Đại học Ngoại thương.

Phương pháp lấy mẫu: Trong mỗi học kỳ năm 2022 sẽ chọn ra hai lớp ngẫu nhiên từ chương trình tiêu chuẩn. Như vậy, trong 3 học kỳ thử nghiệm, mỗi học kỳ có 2 lớp được lựa chọn.

Cách thức triển khai thử nghiệm: Thiết kế thử nghiệm sẽ được triển khai bằng việc chia đối tượng tham gia nghiên cứu thành hai nhóm. Một nhóm gọi là nhóm kiểm chứng - SV nhóm này sẽ chỉ học theo kiến thức chương trình trong đề cương môn học nêu ra, không có thêm bất kỳ sự can thiệp nào của phương pháp 3T. Nhóm số 2 gọi là nhóm thử nghiệm 3T hoặc gọi ngắn gọn hơn là nhóm 3T.

Trong phạm vi nghiên cứu này, do mục tiêu nghiên cứu chỉ tập trung vào thuận lợi, khó khăn và giải pháp khi triển khai phương pháp dạy mới, nên sẽ thu thập số liệu dựa vào số SV nhóm thử nghiệm 3T. Do vậy, các phương pháp nghiên cứu được sử dụng chủ yếu, đó là:

Phương pháp khảo sát: Phiếu khảo sát được phát tới toàn bộ các SV tham gia học thử nghiệm với phương pháp 3T, đồng thời một phiếu khảo sát khác cũng được phát tới nhóm giảng viên (GV) giảng dạy tiếng Anh tại Trường Đại học Ngoại thương.

Phương pháp phỏng vấn: Phương pháp này được sử dụng nhằm làm rõ hơn những kết quả định lượng từ phiếu khảo sát, 20 SV

và 5 GV được chọn tham gia phỏng vấn.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Thuận lợi

Khi triển khai quá trình thử nghiệm sử dụng phương pháp 3T, có một số thuận lợi nổi bật đã được ghi nhận ở cả ba phương diện: quy trình triển khai, GV, SV tham gia thử nghiệm. Để củng cố sâu và chi tiết về các mặt thuận lợi này, nhóm nghiên cứu đã cố gắng khai thác lấy nhiều ý kiến từ việc phát phiếu khảo sát cũng như phỏng vấn cả GV và SV tham gia.

- Về quy trình triển khai thử nghiệm:

Bằng tâm huyết của nhóm GV triển khai thử nghiệm, quy trình làm việc được triển khai khá bài bản và đòi hỏi mất nhiều thời gian, công sức. Nổi bật là ba điểm đã góp phần tạo ra sự thành công của chu trình này:

(1) *Quá trình triển khai làm bài kiểm tra đầu vào nhanh chóng, bài bản:* Bước đầu tiên trong việc áp dụng phương pháp 3T là phải có bài kiểm tra số 1 hợp lý, đạt tiêu chuẩn để đo được năng lực sử dụng ngôn ngữ ở thời điểm hiện tại của SV. Toàn bộ GV tham gia thử nghiệm đều chia sẻ rằng, thao tác kiểm tra này diễn ra rất nhanh chóng do đã có sự chuẩn bị và dự liệu từ trước.

(2) *Thao tác chấm bài, phân nhóm, khoanh vùng kiến thức cần bổ trợ cho SV diễn ra kịp thời:* Sau khi tiến hành triển khai kiểm tra đầu vào SV, một bước rất phức tạp đó là phải nhanh chóng chấm bài để có thể tìm ra các điểm mạnh, điểm yếu của SV. Khi được hỏi về vấn đề này, một GV trong nhóm đã bày tỏ quan điểm: “Nhiều người cho rằng việc chấm bài và tìm ra lỗi hỏng kiến thức cho các em SV rất mất thời gian, nhưng cá nhân tôi thấy nhóm triển khai lại có lợi thế ở chính điểm này. Do có sự nhất quán từ đầu của nhóm triển

khai, công tác chăm bài diễn ra rất kịp thời. Tôi cũng thấy hài lòng về tốc độ làm việc đúng tiến độ của các thầy cô”.

(3) *Các nội dung hỗ trợ được bố trí khoa học:* Khi lắng nghe nhận xét chéo của các GV cả trực tiếp tham gia thử nghiệm phương pháp 3T và đang giảng dạy bộ môn ngoại ngữ, toàn bộ GV đều đánh giá việc phân bổ kiến thức là hoàn toàn hợp lý dựa trên bối cảnh thực tế của lớp và trình độ SV nhóm thử nghiệm. Như vậy, mặc dù những điều này là lợi thế về mặt quy trình, nhưng ẩn sau đó, phần nhiều là nhờ có năng lực của các GV trong nhóm giảng dạy thử nghiệm.

- Về giảng viên trực tiếp tham gia giảng dạy:

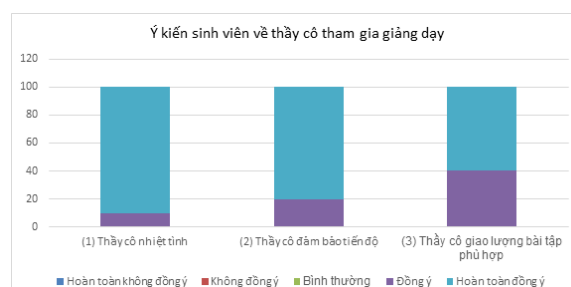
Kết hợp với những nhận xét có liên quan ở mục quy trình triển khai như trên, một số thuận lợi khác về phía GV giảng dạy cũng được khai thác nhiều ở góc độ quan điểm nhìn nhận của SV, tập trung vào một số các đặc điểm sau:

(1) GV nhiệt tình trong công tác triển khai phương pháp 3T.

(2) GV đảm bảo đúng tiến độ giảng dạy theo chương trình.

(3) GV giao lượng bài tập hỗ trợ hợp lý, vừa sức của SV.

Đối với những điểm này, ý kiến SV đưa ra khá rõ ràng, chi tiết như minh họa ở Hình 1.



Hình 1. Ý kiến sinh viên về giảng viên tham gia giảng dạy

Một tín hiệu đáng mừng có thể nhìn nhận từ Hình 1 là 100% SV đều có đánh giá tích cực về GV tham gia giảng dạy. Không có ý kiến nào không đồng tình với các ý kiến được nêu ra, cũng không có ý kiến trung lập; toàn bộ đều chọn vào hai mục: đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý. Điều này chứng tỏ tất cả những điểm tích cực ghi nhận được về các GV tham gia chính là một lợi thế dẫn tới thành công của việc ứng dụng phương pháp 3T vào trong giảng dạy.

- Về sinh viên tham gia thử nghiệm:

Tương tự như đối với đánh giá về quy trình và về GV tham gia, có khá nhiều các yếu tố thuận lợi dẫn tới thành công của nghiên cứu sử dụng phương pháp 3T. Đó chính là những điểm tích cực tới từ SV - lực lượng đông đảo nhất tham gia thực nghiệm. Về phương diện này, khá dễ dàng để có thể thu thập được ý kiến, cả ghi nhận từ chính chia sẻ của SV, lẫn đánh giá khách quan, trực tiếp của các GV giảng dạy. Cụ thể, các mặt thuận lợi này có thể được gọi tên như liệt kê bên dưới:

(1) *Trong quá trình học, SV hợp tác và hào hứng tham gia học tập:* Theo quan sát của GV giảng dạy, SV tỏ ra thích thú khi được học chính những kiến thức họ đang cần, họ đam mê trao đổi về những kiến thức này và cảm thấy việc học bớt nhàm chán.

(2) *SV hài lòng khi đạt kết quả cao:* Toàn bộ SV tham gia đều theo dõi thấy sự cải thiện của bản thân, cụ thể là từ việc tăng điểm số so với bài kiểm tra ban đầu. Do đó, việc SV vui vẻ, có sự thỏa mãn với kết quả cũng là mặt tích cực đáng được ghi nhận.

(3) *SV nhiệt tình trả lời khảo sát, phỏng vấn và các yêu cầu từ nhóm nghiên cứu sau khi trải nghiệm khóa học:* Sẽ rất khó để lấy thông tin phục vụ nghiên cứu nếu không có

sự cởi mở và nhiệt thành tham gia của SV. Sau quá trình thực nghiệm, hầu như mọi SV đều sẵn sàng hợp tác tham gia vào các hoạt động do GV yêu cầu, kể cả các phần hoàn thiện khảo sát hay phỏng vấn sau khóa học.

(4) Các chia sẻ của SV trung thực, chi tiết: Bổ sung chi tiết từ thuận lợi thứ 3 chính là một thuận lợi kéo theo nữa khi không những SV nhiệt tình tham gia khảo sát, phỏng vấn, mà còn tham gia một cách tích cực. Những chia sẻ của SV thường dài, trung thực, qua đó cung cấp nhiều chi tiết khác nhau. Điều này giúp cho quá trình lấy thông tin đơn giản hơn nhưng vẫn đảm bảo độ tin cậy và hiệu lực của số liệu.

3.2. Khó khăn

Khó khăn nhất chính là nằm ở việc phương pháp 3T chưa được duyệt trong khung chương trình. Do vậy, mặc dù được sự ủng hộ từ phía Khoa, Bộ môn để triển khai thử nghiệm phương pháp 3T, nhưng các GV trong nhóm nghiên cứu vẫn phải tuân thủ giảng dạy nội dung kiến thức dựa trên đúng đề cương môn học. Phương thức 3T chỉ được áp dụng thêm vào khoảng thời gian sau mỗi tiết học. Chính vấn đề này đã dẫn tới một số khó khăn sau:

Thứ nhất, kéo dài thời gian học: Phải kéo dài thời gian mỗi tiết học bởi lẽ thời gian chính thức của buổi học cần dùng để giảng dạy các nội dung theo đúng đề cương môn học. Để đảm bảo vừa cân bằng thời lượng và kiến thức theo yêu cầu chung, vừa triển khai dạy theo phương pháp 3T, nhóm GV tham gia thử nghiệm chỉ có thể sử dụng 3T vào cuối giờ học, tức là tăng thêm giờ giảng dạy thêm phần kiến thức chuẩn bị theo phương pháp học tập này.

Thứ hai, gây ra tình trạng mệt mỏi: Sự kéo dài về thời gian học có thể kéo theo tình trạng mệt mỏi gia tăng ở người học;

bởi lẽ giống như khi phải làm việc thêm giờ, bản thân người học sẽ mất nhiều năng lượng hơn, đòi hỏi thời gian tập trung kéo dài hơn. Một khi tiêu hao năng lượng và khoảng thời gian bị kéo dài thì sự mệt mỏi sẽ tăng lên. Mặc dù tình trạng này không diễn ra với tất cả mọi người, nhưng nó cũng là phản ứng chung mà có thể nhiều người sẽ gặp phải.

Thứ ba, hạn chế sắp xếp ca học: Có thể thấy chỉ các tiết học cuối mỗi ngày hoặc các tiết học mà SV trống ca học sau thì mới thuận tiện để triển khai phương pháp 3T. Đối với các ca học còn lại, rất khó triển khai vì SV cần thời gian di chuyển và đảm bảo lịch trình của các môn học khác.

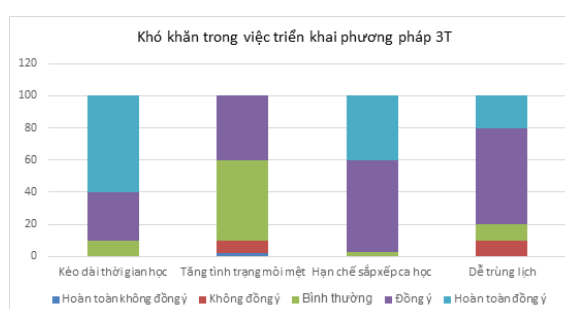
Thứ tư, dễ trùng lịch: Một số SV có thể bị trùng lịch và khó tham gia khoảng thời gian học tăng cường này. Nếu SV tới từ các lớp khác nhau và lịch chồng chéo nhau thì khó khăn này hoàn toàn có thể xảy ra. Hơn nữa, nếu là ca cuối ngày, SV có thể trùng các công việc làm thêm hoặc việc cá nhân bên ngoài. Điều này đòi hỏi khi sắp xếp, cần có sự tự nguyện tham gia và sắp xếp lịch của SV để đảm bảo tiến độ học tập.

Để hiểu sâu hơn về ý kiến, về quan điểm của SV đối với các khó khăn trên, phiếu khảo sát cũng đã được chuyển tới từng SV. Kết quả khảo sát cũng cho thấy sự đồng tình của SV với những khó khăn như đề cập nêu trên. Chi tiết như thống kê trong Bảng 1 và Hình 2.

Từ số liệu ở Bảng 1 và Hình 2 có thể thấy rằng, đa số SV đều đồng tình với những khó khăn được đưa ra. Đối với vấn đề thứ nhất trong việc thời gian học bị kéo dài, có tới 80% SV đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý với khó khăn này. Không có SV nào đưa ra ý kiến ngược lại. Ở vấn đề thứ hai về việc tăng tình trạng mệt mỏi, số liệu hơi

Bảng 1. Quan điểm của sinh viên về một số khó khăn trong việc triển khai phương pháp 3T

	Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)
Kéo dài thời gian học	0	0	10	30	60
Tăng tình trạng mệt mỏi	2	8	50	40	0
Hạn chế sắp xếp ca học	0	0	3	57	40
Dễ trùng lịch	0	10	10	60	20



Hình 2. Quan điểm của sinh viên về một số khó khăn trong việc triển khai phương pháp 3T

khác so với các vấn đề còn lại ở chỗ có tới 50% SV cho rằng vấn đề này bình thường và họ có cái nhìn ở mức độ trung tính; thậm chí có tới 8% không đồng ý và 2% hoàn toàn không đồng ý. Khi được hỏi, các SV có lựa chọn này có giải thích thêm rằng nguyên nhân họ không đồng tình với khó khăn này là do họ cảm thấy việc học bổ ích và họ hoàn toàn có đủ năng lượng để học tập mà không thấy mệt mỏi. Hai vấn đề còn lại cũng nhận được mức độ đồng tình cao với tổng 97% đồng ý và hoàn toàn đồng ý với khó khăn trong việc hạn chế sắp xếp ca học và 80% là số liệu đối với vấn đề dễ trùng lịch dành cho SV.

Bên cạnh những chia sẻ về một số khó khăn gây ra bởi việc phương pháp 3T chưa được đưa chính thức vào trong chương trình giảng dạy, còn một khó khăn khác là việc chưa có sự đồng bộ hóa về nội dung triển khai giảng dạy tăng cường mỗi buổi,

do đó các GV tham gia dạy thử nghiệm mất thêm nhiều thời gian để thiết kế chương trình và chuẩn bị nội dung giảng dạy.

Ngoài ra, một khó khăn khác cũng gây ra nhiều thách thức

cho việc triển khai phương pháp 3T. Điều này thể hiện ở việc nếu muốn triển khai một cách bài bản và có hiệu quả hơn thì sẽ mất thêm thời gian để các GV có thể phân loại, nhóm SV theo trình độ, có cùng mong muốn nguyện vọng khi học, cũng như có chung lỗ hổng kiến thức cần được bồi dưỡng. Chia sẻ về vấn đề này, một GV tham gia phỏng vấn đã nhấn mạnh: “Việc khoanh vùng mảng kiến thức SV còn thiếu vô cùng quan trọng. Và việc nhóm các em vào cùng một nhóm mà có vấn đề thiếu hụt kiến thức giống nhau là điều không thể thiếu. Điều này đòi hỏi khá nhiều thời gian để có thể làm chuẩn chỉ được”.

3.3. Một số biện pháp triển khai phương pháp 3T hiệu quả

3.3.1. Biện pháp từ phía nhà trường

Thứ nhất, theo như những phân tích về các khó khăn gặp phải trong quá trình triển khai thử nghiệm phương pháp 3T, có thể thấy mấu chốt để giải quyết khó khăn nằm ở việc cần chính thức đưa phương pháp 3T vào trong chương trình giảng dạy. “Chính thức” ở đây nghĩa là đưa 3T vào trong đề cương chương trình giảng dạy, thừa nhận sự có mặt của phương pháp 3T. Như vậy, GV không cần tăng thêm giờ giảng để giảng dạy riêng các mảng kiến thức theo 3T, mà trực tiếp được phép áp dụng vào trong giảng dạy. Việc này giúp tinh gọn về

thời gian và giải quyết được rất nhiều vấn đề liên quan khác.

Thứ hai, nhà trường cần tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Khoa, cho GV triển khai phương pháp 3T. Những điều kiện thiết yếu này phải đảm bảo được ít nhất các mặt như: điều kiện về cơ sở vật chất, hay điều kiện về lịch giảng dạy. Trong thời đại 4.0 như hiện nay, việc ứng dụng các yếu tố công nghệ vào trong giảng dạy trở nên rất phổ biến, các điều kiện về trang thiết bị là quan trọng trong giảng dạy, đặc biệt hơn là với môn học ngoại ngữ. Để đáp ứng được hiệu quả của phương pháp giảng dạy này, việc GV được tạo điều kiện trong việc sắp xếp lịch giảng hay cân đối giờ giảng cũng vô cùng hợp lý. Nhiều thao tác trong quá trình kiểm tra, phân trình độ đòi hỏi nhiều về thời gian và kiến thức, nên việc được ưu tiên hỗ trợ là hết sức quan trọng.

Ngoài ra, nhà trường cũng cần phát huy vai trò của mình trong việc hỗ trợ và đưa ra các chính sách khác. Điển hình như việc hỗ trợ kinh phí để có thể triển khai được các hoạt động ngoài giờ bổ trợ cho các tiết học sử dụng phương pháp 3T. Rất nhiều hoạt động có thể được cân nhắc tới như hoạt động nhóm, hoạt động của câu lạc bộ ngoại ngữ. Hay một điều quan trọng khác là việc nhà trường có thêm các chính sách trong việc khuyến khích GV sáng tạo trong giảng dạy. 3T không phải là phương pháp dạy học ngoại ngữ duy nhất, hiệu quả nhất, mà 3T chỉ là một trong số rất nhiều các cách thức giảng dạy ngoại ngữ hiện đại, việc được khuyến khích sáng tạo hơn trong quá trình giảng dạy có thể là bước đệm, tạo bệ phóng để kích hoạt tư duy đổi mới cho GV.

3.3.2. Biện pháp về phía giảng viên

Xét về phía GV, có một số giải pháp có thể giúp GV làm tăng hiệu quả của phương

pháp 3T khi đưa vào thực tiễn giảng dạy. Những điều này có thể được nhìn nhận ngắn gọn như trong các đề xuất dưới đây:

Một là, điều đặn tham gia các buổi sinh hoạt, trao đổi chuyên môn. Đây là một hoạt động mà dường như lâu nay đã bị mai một đi. Phần là vì tính tự chủ của GV gia tăng, mỗi nhà giáo có khả năng vận dụng các kinh nghiệm giảng dạy thực chiến của mình vào trong giảng dạy, dẫn đến không muốn hoặc không cần có các chia sẻ bên lề; phần là do công việc bận rộn, lịch giảng dạy dày đặc khiến hoạt động sinh hoạt chuyên môn không được duy trì. Tuy nhiên, với tình hình hiện tại, việc định kỳ có các buổi trao đổi chuyên môn, hay lớn hơn là các buổi chuyên đề, tọa đàm là thiết yếu.

Hai là, GV cần phối hợp hoạt động nhóm để xây dựng khung chương trình và kế hoạch giảng dạy chi tiết. Từ việc tham gia các buổi trao đổi chuyên môn, chia sẻ kiến thức thực tế, GV tiến tới tham gia các hoạt động có chủ đích khác. Để triển khai phương pháp 3T cần có sự đồng bộ, nhất quán giữa các thầy cô giảng dạy khác nhau, vậy nên điều tiên quyết là việc GV có tham gia vào việc xây dựng chương trình giảng dạy, kế hoạch cụ thể cho từng bài để thấu hiểu chương trình và cách vận hành kiến thức trong quá trình giảng dạy.

Ba là, GV cần nâng cao tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong giảng dạy. Ngoài việc nhà trường có thêm các chính sách khuyến khích, thì chính các GV cũng cần tự nâng cao nhận thức về việc liên tục cập nhật kiến thức, có những đổi mới kịp thời để duy trì tính hiệu quả và thú vị cho việc dạy học. Song song với điều này, GV nên chú trọng vào khả năng, tư duy nhạy bén của mình khi tạo các hoạt động ghép nhóm SV theo từng tiêu chí cụ thể để đảm bảo

đầy nhanh khả năng lĩnh hội kiến thức.

Thêm nữa, có một công việc hết sức cao cả mà mỗi GV cần lưu tâm, đó là việc chú trọng cải thiện nâng cao khả năng tư vấn, cố vấn cho SV khi gặp các khó khăn trong quá trình học tập. Vốn lẽ 3T là phương pháp giảng dạy chú trọng hiệu quả thực tế, dạy đúng cái người học cần, không mất thời gian dạy lại những cái người học đã biết. Nghĩa là tập trung vào nhu cầu học tập thực tế của người học. Tương tự như vậy, người học sẽ cần được tư vấn một cách thiết thực cho sát với vấn đề của cá nhân. Việc GV bồi dưỡng kiến thức về mảng cố vấn sẽ càng làm gia tăng “tính thực tiễn” và “hiệu quả chân thật” của việc dạy.

Một việc tất yếu nữa mà GV cần thực hiện được là định kỳ đều đặn tạo những khảo sát để nắm bắt tình hình, tâm tư nguyện vọng của người học, từ đó kịp thời có các điều chỉnh giảng dạy sao cho phù hợp. Hoạt động này nếu được duy trì thường xuyên thì sẽ cập nhật được những vấn đề cốt lõi, những biến động trong nhu cầu của người học, từ đó các điều chỉnh sẽ được đưa ra, bám đúng tiêu chí: truyền đạt đúng cái người học cần.

3.3.3. Biện pháp về phía sinh viên

Để đạt được hiệu quả cao trong quá trình học, bước đầu tiên, SV cần xây dựng động cơ, động lực học tập rõ ràng. Khi xác định được mục đích của việc học, SV sẽ làm việc có tập trung hơn. Hơn nữa, nếu có thái độ học tập tích cực thì dù GV áp dụng phương thức làm việc nào, SV cũng có thể linh hoạt tiếp nhận và học tập hợp tác hơn, mang lại nhiều giá trị hơn.

Với tôn chỉ của phương pháp 3T là dạy đúng cái người học cần, ngoài việc SV được kiểm tra đầu vào để phát hiện phạm vi

thông hiểu kiến thức, SV cũng cần chủ động nắm bắt điểm mạnh và điểm yếu kiến thức của bản thân, từ đó đối sánh với kết quả bài thi nhằm nhận được lộ trình học tập chuẩn nhất với năng lực hiện tại. Bởi lẽ, mặc dù không thể phủ nhận được giá trị của những bài kiểm tra có chất lượng và có tính tin cậy, trong một số ít trường hợp, vẫn có thể không phản ánh đầy đủ phạm vi nắm bắt của người học. Vậy nên chia sẻ đa chiều sẽ giúp củng cố thêm tính chân thực của bài kiểm tra.

Thêm vào đó, SV cần thẳng thắn chia sẻ quan điểm về việc học, về các công tác và hoạt động có liên quan khác trong quá trình học nhằm giúp GV có được đánh giá chuẩn xác hơn, và có thể thiết kế các hoạt động phù hợp với nguyện vọng của bản thân hơn. Việc rụt rè hay ngại ngùng chia sẻ có thể dẫn tới việc phương pháp 3T không đạt hết giá trị của nó, bởi không làm thỏa mãn hết mong đợi của người học. Vậy nên việc chia sẻ một cách cởi mở là vô cùng cần thiết.

Trong suốt quá trình học tập và làm việc, mỗi SV đều cần nâng cao tinh thần hợp tác trong quá trình học tập. Hợp tác trong từng hoạt động nhỏ mà GV giao phó. Quan trọng hơn nữa là việc rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm vì hoạt động này sẽ được triển khai nhiều trong quá trình học tập. Ngoài các nhóm mà GV tạo lập, còn có các hoạt động sinh hoạt bên lề mà SV cần theo dõi và cập nhật. Mỗi hoạt động được thực hiện bằng nhiệt huyết thì đều tạo nên giá trị lớn lao. Bởi lẽ đó, học tập hợp tác là yếu tố không thể thiếu dẫn tới chất lượng của việc dạy và học.

4. Kết luận

Phương pháp dạy học 3T rất thiết thực và được đông đảo SV đón nhận. Việc triển khai thử nghiệm sử dụng phương pháp này

mang lại nhiều giá trị tích cực, quy trình áp dụng không phức tạp, SV hưởng ứng, học tập hợp tác, kết quả triển khai khả thi. Tuy nhiên còn tồn tại một số khó khăn do phương pháp giảng dạy này chưa được chính thức hóa trong khung chương trình giảng dạy, dẫn đến sự hạn chế trong việc áp dụng. Những thực tế này đòi hỏi phía nhà trường, kết hợp cùng các ban ngành và các bên liên quan khác phải cùng xúc tiến đẩy nhanh việc đưa phương pháp giảng dạy này vào thực tiễn; có cái nhìn cởi mở hơn, linh hoạt hơn với các phương pháp giảng dạy mới và đặc biệt mang lại lợi ích thiết thực cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Brown, H. D., *Language assessment: Principles and classroom practices*, Longman, London, 2004.
- [2] Paudel, P., “Use of Test-Teach-Test method in English as a foreign Language Classes”, *Journal of NELTA Surkhet*, Vol.5, pp.15-27, 2018.
- [3] Walvoord, B. E., & Anderson, V. J., *Effective Grading: A Tool for Learning and Assessment in College*, 2nd Edition, Jossey-Bass, San Francisco, 2009.
- [4] Widyanoto, A., “Transferability: A Missing Link Between Language Testing and Language Teaching”, in *FLLT 2013 Conference Proceedings*, pp.795-801, 2013.
- [5] Wilson, S. M., & Peterson, P. L., *Theories of Learning and Teaching: What Do They Mean for Educators?*, National Education Association, Washington D.C., 2006.
- [6] Boudjema, F., “Test-Teach-Test Technique for ESL Classes”, 2014. Retrieved from: <http://www.slideshare.net/innovative14/test-teach-test-technique-for-esl-classes>.
- [7] Hadfield, J., “The TKT-teaching knowledge”, 2014. Retrieved from: <http://www.slideshare.net/jehny.yon/the-tkt-teaching>.

⇒ Tiếp theo trang 52 (MỤC TỪ TÁC GIA VĂN HỌC VIỆT NAM TRONG...)

Chúng tôi hy vọng việc tìm hiểu cụ thể về mục từ tác gia Văn học Việt Nam trong bộ *BKTT Britannica* sẽ giúp ích được phần nào cho những ai quan tâm, hình dung rõ hơn về nền Văn học Việt Nam cũng như tác gia Văn học Việt Nam trong bộ *BKTT Britannica*. Hơn nữa, qua thực tiễn biên soạn bộ *BKTT Britannica* nói riêng và các BKTT trên thế giới nói chung sẽ là nền móng giúp cho việc xây dựng và hoàn thiện hơn ngành bách khoa thư học còn rất non trẻ của Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Huy Côn, *Bách khoa toàn thư và Encyclopædia Britannica, Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư*, số 5, 2013.
- [2] Nguyễn Thạch Giang, Trương Chính, *Nguyễn Du - Tác phẩm và lịch sử văn bản*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh, 2000.
- [3] Hội đồng Quốc gia Chỉ đạo Biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, *Từ điển bách khoa Việt Nam tập 4*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2005.
- [4] Nguyễn Đăng Mạnh, Bùi Duy Tân, Nguyễn Như Ý, *Từ điển tác gia, tác phẩm văn học Việt Nam*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2012.
- [5] Nguyễn Trung Thuần, *Đề xuất cấu trúc của Bộ Bách khoa toàn thư Việt Nam theo mô hình truyền thống, Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư*, số 2, 2014.
- [6] Hà Học Trạc, *Lịch sử - lý luận và thực tiễn biên soạn bách khoa toàn thư*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2004.
- [7] *Encyclopædia Britannica*, Encyclopædia Britannica, Inc., Chicago, 1969.
- [8] *Encyclopædia Britannica*, Encyclopædia Britannica, Inc., Chicago, 1998.
- [9] <https://www.britannica.com/art/Vietnamese-literature> (tra cứu ngày 23.03.2022).
- [10] <https://www.britannica.com/biography/Nguyen-Du> (tra cứu ngày 23.03.2022).
- [11] <https://www.britannica.com/biography/Phan-Chau-Trinh> (tra cứu ngày 23.03.2022).
- [12] <https://www.britannica.com/biography/Phan-Boi-Chau> (tra cứu ngày 23.03.2022).